

CẬP NHẬT DANH SÁCH CÁC LOÀI TRE TRÚC VIỆT NAM

Nguyễn Hoàng Nghĩa

Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

TÓM TẮT

Danh sách cập nhật về các loài tre trúc Việt Nam hiện bao gồm 170 loài thuộc 34 chi, trong đó có 137 loài đã chính thức được định danh, 33 loài chưa có tên khoa học đã được xác định là các loài mới. Nhiều nhất là chi Tre (*Bambusa*) với 41 loài, tiếp đến là chi Luồng (*Dendrocalamus*) 34 loài, chi Nứa (*Schizostachyum*) 20 loài, chi Le/Mum (*Gigantochloa*) 12 loài, chi Tre quả thịt (*Melocalamus*) 9 loài và chi Trúc (*Phyllostachys*) 6 loài. Trong 20 năm qua, các nhà nghiên cứu đã công bố 7 chi mới là Nứa quả thịt (*Annamocalamus*), Tre leo brian (*Cochinchinochloa*), Tre leo Hòn Bà (*Khoonmengia*), Trúc dây Bidoup (*Nianhochloa*), Tre leo Đà Lạt (*Yersinochloa*), Trúc dây (*Temnochloa*) và chi Tre lông (*Kinabaluchloa*). Đã có 49 loài mới được công bố thuộc về 16 chi. Chi Luồng đã được công bố nhiều loài mới nhất là 12 loài, tiếp đó là chi Nứa với 9 loài, chi Tre quả thịt với 7 loài, chi Giang và chi Tre leo Đà Lạt cùng có 3 loài, các chi Tre, chi Le, chi Sặt gai và chi Trúc dây Ba Bè cùng có 2 loài, các chi còn lại mỗi chi 1 loài. Như vậy số loài mới chiếm 28,8% tổng số 170 loài, số chi mới chiếm 17,6% tổng số 34 chi hiện có.

Từ khóa: Phân họ Tre (Bambusoideae), danh sách, Việt Nam

AN UPDATED CHECKLIST OF BAMBOO SPECIES IN VIETNAM

Nguyen Hoang Nghia

Vietnamese Academy of Forest Sciences

ABSTRACT

Updated checklist of Bamboos in Vietnam included 170 species of 34 genera, of which 137 species have scientific name, other 33 species have been carefully examined and determined as new species (sp.nov.). The *Bambusa* genus recorded the highest number of 41 species, followed by *Dendrocalamus* genus with 34 species, *Schizostachyum* genus with 20 species, *Gigantochloa* genus with 12, *Melocalamus* genus 9 species and *Phyllostachys* genus 6 species. During the last 20 years, 7 new genera had been reported namely *Annamocalamus*, *Cochinchinochloa*, *Khoonmengia*, *Nianhochloa*, *Yersinochloa*, *Temnochloa* and *Kinabaluchloa* (new record). There were 49 new species belonging to 16 genera had been reported. The *Dendrocalamus* genus had 12 new species, followed by *Schizostachyum* with 9 species, *Melocalamus* with 7 species, two genera *Maclurochloa* and *Yersinochloa* has 3 new species, other genera such as *Bambusa*, *Gigantochloa*, *Chimonocalamus* and *Temnochloa* each has 2 new species, the remaining genera have 1 new species. It means that the number of new species occupied 28.8% of total species found in the checklist, while the number of new genera occupied 17.6% of total 34 genera found in Vietnam.

Keywords: Bambusoideae, checklist, Vietnam

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tre trúc là các loài thực vật một lá mầm thuộc phân họ Tre (Bambusoideae), họ Hòa thảo (Poaceae). Nghiên cứu về phân loại tre trúc đã được bắt đầu bởi Camus and Camus (1923) ở Việt Nam, nhờ đó đã đưa ra được một số danh sách về các loài tre trúc phân bố ở nước ta. Từ năm 2000 tới nay, các danh sách được quan tâm nhiều nhất là của Phạm Hoàng Hộ (2000), Nguyễn Tiến Bản (chủ biên, 2003), Nguyễn Hoàng Nghĩa (2005).

Trong công trình của mình, Phạm Hoàng Hộ (2000) đã ghi nhận 124 loài tre trúc của 23 chi, trong đó có 1 loài thuộc chi *Sinarundinaria* bị đặt dấu hỏi (nghĩa là sự tồn tại của loài không chắc chắn), có 4 loài chi *Bambusa* và 2 loài chi *Chimonobambusa* không có mô tả. Nguyễn Tiến Bản (chủ biên, 2003) ghi nhận tổng số 129 loài của 29 chi. Năm 2005, Nguyễn Hoàng Nghĩa ghi nhận tổng số 216 loài/phân loài của 25 chi, trong đó có nhiều loài/phân loài chưa có tên khoa học hoặc chưa được xác nhận. Mới đây Tổ chức Mây Tre Thế giới (INBAR) đã công bố danh sách các loài tre trúc và song mây thế giới (Vorontsova *et al.*, 2017), trong đó có 134 loài của 32 chi được ghi nhận ở Việt Nam.

Bốn danh sách quan trọng nhất cho thấy số lượng các loài và chi tre trúc ở Việt Nam đã thay đổi theo thời gian. Trong suốt 25 năm, một số chi gần gũi được nhập lại với nhau, nên số lượng loài và chi thay đổi liên tục. Chi Mai hay Bương (*Sinocalamus*) trước đây được nhập cả vào chi Luồng (*Dendrocalamus*), các loài nứa đều được đưa vào chi Nứa (*Schizostachyum*). Các loài trước đây thuộc các chi *Oxytenanthera* và *Pseudoxytenanthera* nay đều thuộc chi Le (*Gigantochloa*) (Hoàng Thanh Trường *et al.*, 2013). Thông qua nhiều chuyến điều tra khảo sát, nhiều loài tre mới và chi tre mới cũng đã được công bố, làm cho số lượng loài tăng lên.

Trên cơ sở các thông tin và công bố mới nhất, bản danh sách được cập nhật nhằm giúp các nhà nghiên cứu có điều kiện tham khảo, trích dẫn

đầy đủ hơn và chính xác hơn các loài tre trúc hiện có ở Việt Nam.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Danh sách cập nhật được chuẩn bị bằng cách đánh giá lại toàn bộ tên khoa học của các chi và các loài đã được ghi nhận ở Việt Nam từ nhiều tài liệu tham khảo khác nhau. Các tài liệu quan trọng nhất là “Cây cỏ Việt Nam, quyển III” (Phạm Hoàng Hộ, 2000), “Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập 3” (Nguyễn Tiến Bản (chủ biên), 2003), “Tre trúc Việt Nam” (Nguyễn Hoàng Nghĩa, 2005) và “World Checklist of Bamboos and Rattans” (Vorontsova MS, L.G. Clark, J. Dransfield, R. Govaerts, W.J. Baker, 2017). Đã tham khảo trên 30 tài liệu công bố loài mới (sp.nov.), chi mới, ghi nhận mới (new record) hoặc combination mới cho Việt Nam. Một số tài liệu liên quan đến các loài tre ở Tây Nguyên (Duy *et al.*, 2023), các loài chi Nứa (Tran Van Tien, 2011; 2023) và chi Luồng (Nguyễn Hoàng Nghĩa, 2019) cũng đã được tham khảo.

Trong suốt 20 năm, từ 2005 đến 2024, nhiều chuyến điều tra khảo sát bổ sung đã được triển khai thực hiện suốt từ Bắc tới Nam, nhằm kiểm tra lại các loài đã được ghi tên mà không còn tìm thấy mẫu chuẩn (type specimen) trong các cơ sở nghiên cứu, kiểm tra thực địa tình trạng một số loài có ghi địa danh nơi thu mẫu, thu thập mới một số loài được đánh giá là loài mới.

Một số loài có tên trong các danh sách đã được xem xét kỹ lưỡng, không đưa vào danh sách cập nhật các loài không còn tìm thấy mẫu chuẩn, các loài không tìm thấy hoặc không thể xác định trong quá trình điều tra thực địa, các mẫu không được coi là loài mới hay ghi nhận mới. Chỉ đưa vào danh sách các loài đã được xác định tên khoa học rõ ràng, các loài mới, chi mới và ghi nhận mới đã được công bố trong 20 năm qua. Các loài chưa có tên khoa học đều đã được đánh giá là loài mới, chờ nghiên cứu tiếp theo và công bố chính thức sau khi thu được mẫu hoa. Các loài và chi

chưa được đưa vào danh sách này một phần bởi sự chưa chắc chắn, phần khác do hạn chế của tác giả chưa có được đầy đủ thông tin liên quan đến mô tả, phân bố thực tế trên thực địa của loài liên quan.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Kể từ khi Camus and Camus (1923) thống kê 73 loài tre trúc của Việt Nam tới công bố của Phạm Hoàng Hộ (2000) cho 124 loài/phân loài, Nguyễn Tiến Bản (chủ biên, 2003) ghi nhận tổng số 129 loài của 29 chi, số lượng các loài tre trúc của Việt Nam đã tăng lên đáng kể. Danh sách gần đây nhất do Vorontsova và đồng tác giả (2017) công bố cho thấy, Việt Nam có 134 loài của 32 chi. Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng phân loại và tên khoa học của các loài tre trúc ở Việt Nam là một vấn đề phức tạp và thay đổi rất

nhiều. Do một số loài bị mất mẫu chuẩn, các chuyên khảo sát chưa xác định được chắc chắn sự tồn tại của loài trên thực địa hoặc chưa tìm ra loài, nên một số loài và chi từ các công bố trên đã không có mặt trong bản danh sách cập nhật này. Trong số 32 chi mà Vorontsova và đồng tác giả (2017) công bố mới nhất, thì có 4 chi chưa được đưa vào danh sách này là *Dinochloa*, *Drepanostachyum*, *Indocalamus* và *Neomicrocalamus*.

Danh sách cập nhật hiện bao gồm 170 loài của 34 chi. Nhiều nhất là chi Tre (*Bambusa*) với 41 loài, tiếp đến là chi Luồng (*Dendrocalamus*) 34 loài, chi Nứa (*Schizostachyum*) 20 loài, chi Le/Mum (*Gigantochloa*) 12 loài, chi Tre quả thối (*Melocalamus*) 9 loài và chi Trúc (*Phyllostachys*) 6 loài.

Bảng 1. Danh sách cập nhật các loài tre trúc Việt Nam tới năm 2025

TT	Chi/loài	Tên khoa học
I	VÀU XANH	<i>Acidosasa</i> C.D.Chu & C.S.Chao
1	Vầu đỉnh Phansipan	<i>Acidosasa fansipanensis</i> Nguyen
2	Vầu Yên Lập	<i>Acidosasa brilletii</i> Chao
3	Vầu ngọt	<i>Acidosasa</i> sp.
II	MẠY LOI	<i>Ampelocalamus</i> S.L.Chen, T.H.Wen & G.Y.Sheng
4	Mạ loi	<i>Ampelocalamus</i> sp.
III	NỨA QUẢ THỊT	<i>Annamocalamus</i> H.N.Nguyen, N.H.Xia & V.T.Tran
5	Nứa quả thịt đèo Lò Xo	<i>Annamocalamus kontumensis</i> H.N.Nguyen, N.Xia & V.T.Tran
IV	SẬT	<i>Arundinaria</i> Michx.
6	Mạ reng	<i>Arundinaria</i> sp1
7	Mạ chả	<i>Arundinaria</i> sp2
8	Tre đắng Yên Tử	<i>Arundinaria</i> sp3
V	TRE	<i>Bambusa</i> Schreb.
9	Lò ô Trung Bộ	<i>Bambusa balcoa</i> Roxb.
10	Tre là ngà Nam Bộ	<i>Bambusa bambos</i> (L.) Voss.
11	Tre bechey	<i>Bambusa beecheyana</i> Munro
12	Tre gai	<i>Bambusa blumeana</i> Schultes
13	Mạ bó	<i>Bambusa burmanica</i> Gamble
14	Hóp Sơn Động	<i>Bambusa cerosissima</i> McClure
15	Dùng phần	<i>Bambusa chungii</i> McClure
16	Hóp đá Cầu Hai	<i>Bambusa dissimulator</i> McClure
17	Tre ven Long Thành	<i>Bambusa flexuosa</i> Schultes
18	Luồng may	<i>Bambusa gibba</i> McClure
19	Vầu leo	<i>Bambusa quangxiensis</i> Chia et Fung
20	Tre gugandi, Lò ô đen	<i>Bambusa gurgandii</i> K.M.Wong & M.H.Diep

TT	Chi/loài	Tên khoa học
21	Tre lạt	<i>Bambusa intermedia</i> Hsueh et Yi
22	Song sào	<i>Bambusa lapidea</i> McClure
23	Tre bông	<i>Bambusa maculata</i> Widjaja
24	Hóp sào	<i>Bambusa multiplex</i> (Lour.) Raeuschel ex Schult.
25	Hóp Củ Chi	<i>Bambusa mutabilis</i> McClure
26	Lùng	<i>Bambusa nghiana</i> V.T.Tran
27	Mạ cướp, mạ cước	<i>Bambusa nutans</i> Wall. ex Munro
28	Lục trúc	<i>Bambusa oldhamii</i> Munro
29	Tre lục bình	<i>Bambusa pallida</i> Munro
30	Hóp Cắm Xuyên	<i>Bambusa piscatorum</i> McClure
31	Lồ ô Nam Bộ	<i>Bambusa procera</i> A.Chev & A.Cam
32	Lồ ô Trường Sơn	<i>Bambusa polymorpha</i> Munro
33	Tre là ngà	<i>Bambusa sinospinosa</i> McClure
34	Hóp sọc vàng	<i>Bambusa textilis</i> McClure
35	Tre tsiang	<i>Bambusa tsangii</i> McClure
36	Mạ bông	<i>Bambusa tulda</i> Roxb.
37	Tre đùi gà	<i>Bambusa tultoides</i> Munro
38	Tre mỡ	<i>Bambusa vulgaris</i> Schre ex Wend
39	Tre vàng sọc	<i>Bambusa vulgaris</i> Schre ex Wend cv Vittata
40	Tre bụng phật	<i>Bambusa vulgaris</i> Schre cv Wamin McClure
41	Tre Lang Hanh	<i>Bambusa</i> sp1
42	Lộc ngọc	<i>Bambusa</i> sp2
43	Mò o Bình Định	<i>Bambusa</i> sp3
44	Tre cắm thạch	<i>Bambusa</i> sp4
45	Tre leo Tân Phú	<i>Bambusa</i> sp5
46	Tre cần câu (Hao biáng)	<i>Bambusa</i> sp6
47	Mạ luông	<i>Bambusa</i> sp7
48	Tre trầy	<i>Bambusa</i> sp8
49	Tre không gai Tân An	<i>Bambusa</i> sp9
VI	TRÚC ĐŨA	<i>Bashania</i> Keng f. & T.P.Yi
50	Trúc đũa Sa Pa	<i>Bashania fansipanensis</i> (Nguyen) Stafp.
VII	LE BẮC BỘ	<i>Bonia</i> Balansa
51	Le Bắc Bộ	<i>Bonia tonkinensis</i> Balansa
VIII	CƠM LAM	<i>Cephalostachyum</i> Munro
52	Cơm lam	<i>Cephalostachyum pergracile</i> Munro
IX	TRÚC VUÔNG	<i>Chimonobambusa</i> Makino
53	Sắt gai	<i>Chimonobambusa microfloscula</i> McClure
54	Trúc vuông	<i>Chimonobambusa quadrangularis</i> (Fenzi) Makino
X	SẮT GAI	<i>Chimonocalamus</i> Hsueh & T.P.Yi
55	Sắt Ba Vì	<i>Chimonocalamus baviensis</i> N.H.Xia, V.LLe & Y.F. Deng
56	Sắt Bidoup	<i>Chimonocalamus bidoupensis</i> H.N.Nguyen & V.T. Tran
57	Sắt gai Lang Bian	<i>Chimonocalamus</i> sp1
58	Sắt gai Sa Pa	<i>Chimonocalamus</i> sp2
XI	TRE LEO BRIAN	<i>Cochinchinochloa</i> H.N.Nguyen & V.T.Tran
59	Tre leo Braian	<i>Cochinchinochloa briana</i> H.N.Nguyen & V.T.Tran

TT	Chi/loài	Tên khoa học
XII	BẠC MÀY	<i>Dendrocalamopsis</i> (Chia & H.L.Fung) P.C.Keng
60	Bạc mây	<i>Dendrocalamopsis</i> sp1
61	Tre gầy	<i>Dendrocalamopsis</i> sp2
XIII	LUỒNG	<i>Dendrocalamus</i> Nees
62	Mạnh tông	<i>Dendrocalamus asper</i> (Schult) Backer ex Heyne
63	Luồng, mét	<i>Dendrocalamus barbatus</i> Hsueh et D.Z.Li
64	Luồng Thái Lan, Tre ngọt	<i>Dendrocalamus brandisii</i> (Munro) Kurz.
65	Mai cây	<i>Dendrocalamus cauhatensis</i> N.H.Xia, V.T.Nguyen et V.LLe
66	Mai dây	<i>Dendrocalamus concaviapiculus</i> N.H.Xia et V.T. Nguyen
67	Bương lớn Điện Biên	<i>Dendrocalamus dienbienensis</i> H.N.Nguyen & V.T. Nguyen
68	Sang phay	<i>Dendrocalamus farinosus</i> Chia et Fung
69	Mạ gừng, Bương danh	<i>Dendrocalamus giganteus</i> Munro
70	Mạ hóc	<i>Dendrocalamus hamiltonii</i> Nees et Arn. ex Munro
71	Bương Yên Quang	<i>Dendrocalamus jianshuiensis</i> Hsueh et D.Z.Li
72	Mai xanh, tre tàu	<i>Dendrocalamus latiflorus</i> Munro
73	Mạ púa cày	<i>Dendrocalamus longiligulatus</i> N.H.Xia & V.T. Nguyen
74	Diễn đá	<i>Dendrocalamus longivaginatus</i> N.H.Xia, V.T. Nguyen & V.LLe
75	Mạ sang	<i>Dendrocalamus membranaceus</i> Munro
76	Mạ pì (Tre mỡ Lạng Sơn)	<i>Dendrocalamus minor</i> (McClure) Chia et Fung
77	Púa mồn	<i>Dendrocalamus multiflocculus</i> H.N.Nguyen, N.H.Xia & V.T.Nguyen
78	Mạ púa mơi	<i>Dendrocalamus nianhei</i> V.T.Nguyen & V.L.Le
79	Diễn trứng	<i>Dendrocalamus parvigemmiferus</i> N.Xia, V.T.Nguyen & V.L.Le
80	Đóng	<i>Dendrocalamus phuthoensis</i> H.N.Nguyen & V.T. Nguyen
81	Là a	<i>Dendrocalamus poilanei</i> Camus
82	Mạ hóc Cầu Hai	<i>Dendrocalamus sikkimensis</i> Munro
83	Mạ púa	<i>Dendrocalamus taybacensis</i> N.H.Xia, V.T.Nguyen et V.L.Le
84	Bương mốc Ba Vì	<i>Dendrocalamus velutinus</i> V.T.Nguyen, V.L.Le, V.D. Vu & N.H.Xia
85	Mai ống	<i>Dendrocalamus yunnanicus</i> Hsueh et D.Z.Li
86	Tre trình	<i>Dendrocalamus</i> sp1
87	Bương lớn mường phẳng, Mạ sang me	<i>Dendrocalamus</i> sp2
88	Bương nửa, Cây U	<i>Dendrocalamus</i> sp3
89	Tre gốc	<i>Dendrocalamus</i> sp4
90	Luồng nước	<i>Dendrocalamus</i> sp5
91	Bương xanh	<i>Dendrocalamus</i> sp6
92	Púa khiêu	<i>Dendrocalamus</i> sp7
93	Púa ngô	<i>Dendrocalamus</i> sp8
94	Nửa râu	<i>Dendrocalamus</i> sp9
95	Bương giã	<i>Dendrocalamus</i> sp10
XIV	TRE NHỎ	<i>Fargesia</i> Franch.
96	Trúc Sa Pa	<i>Fargesia sapaensis</i> N.H.Xia & Y.Y.Zhang
XV	MẠ LÊNH LANG	<i>Ferocalamus</i> Hsueh & Keng f.
97	Mạ lênh lang	<i>Ferocalamus fibrillosus</i> H.N.Nguyen, V.T.Tran & V.T.Nguyen
XVI	LE	<i>Gigantochloa</i> Kurz ex Munro
98	Mạ lay/Láy Thái	<i>Gigantochloa albociliata</i> (Munro) Kurz.

TT	Chi/loài	Tên khoa học
99	Le nam bộ	<i>Gigantochloa cochinchinensis</i> A.Cam.
100	Le núi Dinh	<i>Gigantochloa dinhensis</i> (Camus) Nguyen
101	Le Ngoạn Mục	<i>Gigantochloa hayatae</i> (Camus) Nguyen
102	Le đen	<i>Gigantochloa lako</i> (Widjaja) Z.Y.Cai & Widjaja
103	Mum	<i>Gigantochloa multifloscula</i> H.N.Nguyen, N.Xia & V.T.Tran
104	Le nghĩa, Mum Quảng Trị	<i>Gigantochloa nghiana</i> V.T.Tran
105	Mạ lay lo	<i>Gigantochloa nigrociliata</i> (Buse) Kurz.
106	Le lá nhỏ	<i>Gigantochloa parvifolia</i> (Brandis ex Gamble) Nguyen
107	Le poilanei	<i>Gigantochloa poilanei</i> (A.Camus) T.Q.Nguyen
108	Le ngắn	<i>Gigantochloa sinuata</i> (Gamble) T.Q.Nguyen
109	Le la ha	<i>Gigantochloa tenuispiculata</i> (Camus) Nguyen
XVII	VÀU ĐẮNG	<i>Indosasa McClure</i>
110	Vầu đắng	<i>Indosasa angustata</i> McClure
111	Măng đắng	<i>Indosasa crassiflora</i> McClure
112	Vầu ngọt lá nhỏ	<i>Indosasa parvifolia</i> C.S.Chao et Q.H.Dai
XVIII	TRE LEO HÒN BÀ	<i>Khoonmengia</i> N.H.Xia, Y.H.Tong & X.R.Zheng
113	Tre leo hòn bà	<i>Khoonmengia honbaense</i> N.H.Xia, Y.H.Tong & X.R. Zheng
XIX	TRE LÔNG	<i>Kinabaluchloa</i> K.M.Wong
114	Tre lông Bidoup	<i>Kinabaluchloa wrayi</i> (Stapf) K.M.Wong
XX	GIANG	<i>Maclurochloa</i> K.M.Wong
115	Giang Lộc Bắc	<i>Maclurochloa locbacensis</i> H.N.Nguyen & V.T.Tran
116	Giang tân trào	<i>Maclurochloa tantraensis</i> H.N.Nguyen & V.T.Tran sp.nov.
117	Giang Bắc Bộ	<i>Maclurochloa tonkinensis</i> H.N.Nguyen & V.T.Tran
118	Giang Tràng Định	<i>Maclurochloa trangdinhensis</i> H.N.Nguyen & V.T. Tran
XXI	TRE QUẢ THỊT	<i>Melocalamus</i> Benth.
119	Tre quả thịt Cúc Phương	<i>Melocalamus cucphuongensis</i> H.N.Nguyen & V.T. Tran
120	Dẹ Yên Bái	<i>Melocalamus yenbaiensis</i> H.N.Nguyen & V.T.Tran
121	Tre quả thịt pà cò	<i>Melocalamus pacoensis</i> H.N.Nguyen & V.T.Tran
122	Tre quả thịt Lộc Bắc	<i>Melocalamus blaoensis</i> H.N.Nguyen & V.T.Tran
123	Tre quả thịt trường sơn	<i>Melocalamus trungsonensis</i> H.N.Nguyen & V.T. Tran
124	Tre quả thịt Kon Hà Nừng	<i>Melocalamus kbangensis</i> H.N.Nguyen & V.T.Tran
125	Tre quả thịt Pù Luông	<i>Melocalamus grandiauritus</i> N.H.Xia, Q.M.Qin & J.B. Ni
126	Tre quả thịt Tân Ấp	<i>Melocalamus</i> sp1
127	Tre quả thịt Sơn La	<i>Melocalamus</i> sp2
XXII	TRÚC DÂY BIDOUP	<i>Nianhochloa</i> H.N.Nguyen & V.T.Tran
128	Trúc dây bidoup	<i>Nianhochloa bidoupensis</i> H.N.Nguyen & V.T.Tran
XXIII	LÀNH ANH	<i>Oligostachyum</i> Z.P.Wang & G.H.Ye
129	Lành anh	<i>Oligostachyum</i> sp.
XXIV	TRÚC	<i>Phyllostachys</i> Siebold & Zucc.
130	Trúc hoá long	<i>Phyllostachys aurea</i> Carr. ex A. et C.Riv
131	Trúc sào	<i>Phyllostachys edulis</i> (Carr) H. de Leh
132	Trúc đá	<i>Phyllostachys nidularia</i> Munro
133	Trúc đen	<i>Phyllostachys nigra</i> (Lodd) var. <i>nigra</i>
134	Trúc đen Bản Khoang	<i>Phyllostachys nigra</i> var. <i>henonis</i> (Mitford) Rendle
135	Trúc cần câu Cao Bằng	<i>Phyllostachys sulphurea</i> (Carr.) A. et C.Riv.

TT	Chi/loài	Tên khoa học
XXV	TRÚC LÙN	<i>Pseudosasa Makino ex Nakai</i>
136	Tre giàng	<i>Pseudosasa amabilis</i> (McClure) Keng f. in Y.L.Keng
XXVI	NỬA MỘC TẢN	<i>Pseudostachyum Munro</i>
137	Mạ đầy	<i>Pseudostachyum polymorphum</i> Munro
XXVII	LE NHẤT LIÊN	<i>Pseudoxytenanthera Soderstr. & R.P.Ellis</i>
138	Le nhất liên	<i>Pseudoxytenanthera monadelpha</i> (Thwaites) Soderstr. & R.P.Ellis
XXVIII	NỬA	<i>Schizostachyum Nees</i>
139	Nửa Phú Quốc	<i>Schizostachyum aciculare</i> Gamble
140	Nửa thân vàng	<i>Schizostachyum brachycladum</i> (Kurz ex Munro) Kurz
141	Nửa Sa Pa	<i>Schizostachyum chinense</i> Rendle
142	Nửa côn sơn	<i>Schizostachyum consonense</i> N.H.Xia, V.T.Tran & H.N.Nguyen
143	Nửa đặc rồng	<i>Schizostachyum dakrongense</i> N.H.Xia, Z.Y.Cai, Y.H. Tong & T.C.Vu
144	Nửa núi dinh	<i>Schizostachyum dinhense</i> N.H.Xia, V.T.Tran & H.N. Nguyen
145	Nửa	<i>Schizostachyum dullooa</i> (Gamble) R.B.Majumdar
146	Nửa lá to	<i>Schizostachyum funghomii</i> McClure
147	Nửa Bảo Lộc	<i>Schizostachyum lamdongense</i> N.H.Xia, V.T.Tran & H.N.Nguyen
148	Nửa langbian	<i>Schizostachyum langbianense</i> N.H.Xia, H.N.Nguyen & V.T.Tran
149	Nửa lộc bắc	<i>Schizostachyum loebacense</i> V.T.Tran
150	Nửa Bạch Mã	<i>Schizostachyum hainanense</i> Merr. ex McClure
151	Nửa nghĩa	<i>Schizostachyum nghianum</i> N.H.Xia & V.T.Tran
152	Nửa Ngoạn Mục	<i>Schizostachyum ninhthuanense</i> N.H.Xia, V.T.Tran & H.N.Nguyen
153	Nửa lá nhỏ	<i>Schizostachyum pseudolima</i> McClure
154	Nửa Tà Cú	<i>Schizostachyum</i> sp1
155	Nửa Khánh Hòa	<i>Schizostachyum</i> sp2
156	Nửa bắc bộ	<i>Schizostachyum tonkinense</i> V.T.Tran & N.H.Nguyen
157	Nửa yaly	<i>Schizostachyum yalyense</i> N.H.Xia, V.T.Tran & H.N. Nguyen
158	Nửa zolingeri	<i>Schizostachyum zollingeri</i> Steud.
XXIX	TRÚC DÂY	<i>Temochloa S.Dranf.</i>
159	Trúc dây Ba Bể	<i>Temochloa elegans</i> N.H.Xia, Y.Y.Zhang, Z.Y.Cai & Y.H.Tong
160	Xả má	<i>Temochloa elegans</i> var. <i>glabra</i> N.H.Xia, Z.Y.Cai, Y.Y.Zhang & J.B.Ni
XXX	TÂM VÔNG	<i>Thyrsostachys Gamble</i>
161	Mạ cần	<i>Thyrsostachys oliveri</i> Gamble
162	Tâm vông	<i>Thyrsostachys siamensis</i> Gamble
XXXI	SẮT CÁT BÀ	<i>Vietnamocalamus T.Q.Nguyen</i>
163	Sắt cát bà	<i>Vietnamocalamus catbaensis</i> N.T.Quyen
XXXII	LE CỎ	<i>Vietnamosasa T.Q.Nguyen</i>
164	Le đuôi chồn	<i>Vietnamosasa ciliata</i> N.T.Quyen
165	Le đặc lác	<i>Vietnamosasa darlacensis</i> T.Q.Nguyen
166	Le cỏ	<i>Vietnamosasa pusila</i> N.T.Quyen
XXXIII	TRE LEO ĐÀ LẠT	<i>Yersinochloa H.N.Nguyen & V.T.Tran</i>
167	Tre leo đà lạt	<i>Yersinochloa dalatensis</i> H.N.Nguyen & V.T.Tran
168	Tre leo nghĩa	<i>Yersinochloa nghiana</i> V.T.Tran
169	Tre leo nianhe	<i>Yersinochloa nianheana</i> V.T.Tran, N.V.Duy & T.V. Tran
XXXIV	SẮT NÚI CAO	<i>Yushania Keng f.</i>
170	Sắt Langbian	<i>Yushania schmidiana</i> (Camus) Ohrnb.

Trong 20 năm qua, các nhà nghiên cứu đã công bố 6 chi mới là Nứa quả thịt (*Annamocalamus*), Tre leo brian (*Cochinchinochloa*), Tre leo Hòn Bà (*Khoonmengia*), Trúc dây Bidoup (*Nianhochloa*), Tre leo Đà Lạt (*Yersinochloa*), Trúc dây (*Temochloa*) và ghi nhận 1 chi mới là chi Tre lông (*Kinabaluchloa*). Cùng với đó là 46 loài mới, 2 ghi nhận mới và 1 combination mới cũng đã được công bố, tổng cộng là 49 loài mới và 7 chi mới cho Việt Nam.

Đã có 49 loài mới được công bố thuộc 16 chi. Chi Luồng đã được công bố nhiều loài mới nhất

là 12 loài (trong đó có 1 loài ghi nhận mới là Bương Yên Quang), sau đó đến chi Nứa với 9 loài, chi Tre quả thịt với 7 loài, chi Giang và chi Tre leo Đà Lạt cùng có 3 loài, các chi Tre, chi Le, chi Sắt gai (có 1 loài combination mới là Sắt ba vè) và chi Trúc dây Ba Bể cùng có 2 loài, các chi còn lại mỗi chi 1 loài. Chi Tre lông và loài Tre lông Bidoup là chi và loài ghi nhận mới (new record) cho Việt Nam. Như vậy số loài mới đã được công bố chiếm 28,8% tổng số 170 loài trong danh sách này, số chi mới công bố chiếm 17,6% tổng số 34 chi hiện có.

Bảng 2. Danh sách các chi có loài mới đã được công bố

Chi	Số loài mới	Các tác giả
Luồng (<i>Dendrocalamus</i>)	12	Hoang Nghia Nguyen <i>et al.</i> , 2017a; 2017b; Nguyễn Hoàng Nghĩa, 2019; Van Tho Nguyen <i>et al.</i> , 2013;
Nứa (<i>Schizostachyum</i>)	9	Chinh <i>et al.</i> , 2016; Tran Van Tien, 2011; 2023; Tran Van Tien <i>et al.</i> , 2010; Van Tien Tran, 2022; Van Tien Tran <i>et al.</i> , 2013;
Tre quả thịt (<i>Melocalamus</i>)	7	Nguyen Hoang Nghia, Tran Van Tien, 2010; Qiao-Mei Qin <i>et al.</i> , 2019;
Giang (<i>Maclurochloa</i>)	3	Hoang Nghia Nguyen, Van Tien Tran, 2013; 2014; Van Tien Tran, Hoang Nghia Nguyen, 2019;
Tre leo Đà Lạt (<i>Yersinochloa</i>)	3	Duy <i>et al.</i> , 2024; Hoang Nghia Nguyen, Van Tien Tran, 2015; Tran Thai Vinh <i>et al.</i> , 2021;
Tre (<i>Bambusa</i>)	2	Tran Van Tien, 2021; Khoon Meng Wong, My Hanh Diep, 2015;
Le/Mum (<i>Gigantochloa</i>)	2	Nguyen Hoang Nghia <i>et al.</i> , 2012;
Sắt gai (<i>Chimonocalamus</i>)	2	Tran Thai Vinh <i>et al.</i> , 2021;
Trúc dây Ba Bể (<i>Temochloa</i>)	2	Zhuo-Yu Cai <i>et al.</i> , 2024;
Nứa quả thịt (<i>Annamocalamus</i>)	1	Van Tien Tran <i>et al.</i> , 2013;
Tre leo Braian (<i>Cochinchinochloa</i>)	1	Hoang Nghia Nguyen <i>et al.</i> , 2013;
Trúc Sa Pa (<i>Fargesia</i>)	1	You-yuan Zhang <i>et al.</i> , 2020;
Mạ lênh lang (<i>Ferrocalamus</i>)	1	Nguyen Hoang Nghia <i>et al.</i> , 2012;
Tre leo hòn bà (<i>Khoonmengia</i>)	1	Yi-Hua Tong <i>et al.</i> , 2020;
Tre lông (<i>Kinabaluchloa</i>)	1	Van Tien Tran <i>et al.</i> , 2014;
Trúc dây bidoup (<i>Nianhochloa</i>)	1	Hoang Nghia Nguyen, Van Tien Tran, 2012;
Tổng: 16 chi	49 loài	

IV. KẾT LUẬN

Nghiên cứu về tre trúc đã được tiến hành nhiều năm trên cơ sở kế thừa và phát triển các kết quả điều tra, thu thập mẫu vật thực vật từ nhiều vùng trong cả nước. Danh sách cập nhật về các loài tre trúc Việt Nam hiện bao gồm 170 loài thuộc 34 chi, trong đó có 138 loài đã chính thức được định danh (có tên khoa học). Nhiều nhất là chi Tre (*Bambusa*) với 41 loài, tiếp đến là chi Luồng (*Dendrocalamus*) 34 loài, chi Nứa (*Schizostachyum*) 20 loài, chi Le/Mum (*Gigantochloa*) 12 loài, chi Tre quả thịt (*Melocalamus*) 9 loài và chi Trúc (*Phyllostachys*) 6 loài.

Trong 20 năm qua, các nhà nghiên cứu đã công bố 7 chi mới là Nứa quả thịt (*Annamocalamus*), Tre leo brian (*Cochinchinochloa*), Tre leo Hòn Bà (*Khoonmengia*), Trúc dây Bidoup

(*Nianhochloa*), Tre leo Đà Lạt (*Yersinochloa*), Trúc dây (*Temochloa*) và chi Tre lông (*Kinabaluchloa* - new record). Đã có 49 loài mới thuộc 16 chi được công bố trên các tạp chí chuyên ngành quốc tế và trong nước. Chi Luồng đã được công bố nhiều loài mới nhất là 12 loài, tiếp đó là chi Nứa với 9 loài, chi Tre quả thịt với 7 loài, chi Giang và chi Tre leo Đà Lạt cùng có 3 loài, các chi Tre, chi Le, chi Sặt gai và chi Trúc dây Ba Bể cùng có 2 loài, các chi còn lại mỗi chi 1 loài. Như vậy số loài mới chiếm 28,8% tổng số 170 loài, số chi mới chiếm 17,6% tổng số 34 chi hiện có.

Lời cảm ơn: Tác giả xin chân thành cảm ơn PGS.TS. Trần Văn Tiến, TS. Nguyễn Văn Thọ, TS. Nông Văn Duy, TS. Trần Thái Vinh, NCS. Hoàng Thanh Trường và các đồng nghiệp khác đã nhiệt tình hỗ trợ các nghiên cứu về Tre trúc trong suốt nhiều năm qua.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiến Bản (Chủ biên), 2003. Danh lục các loài Thực vật Việt Nam, Tập III. Nhà xuất bản Nông nghiệp, 1182 trang.
2. Camus E.G and A. Camus, 1923. Graminees [Graminae]. In: Lecomte M.H. and F. Gagnepain (Editors): Flore generale de L'Indo-Chine. Vol.7. Masson, Paris. pp.581-650.
3. Chinh Vu Tien, Nianhe Xia, Khoon Meng Wong, Duy Nong Văn, Phan Nguyen Huu Toan, Hoang Nghia Nguyen & Van Tien Tran, 2016. *Schizostachyum langbianense*, a new species of bamboo (Poaceae: Bambusoideae) from Lang Bian Mountain, Vietnam. Phytotaxa 257 (2): 181-186.
4. Zhuo-Yu Cai, You-Yuan Zhang, Yi-Hua Tong, Tien-Chinh Vu, Nian-He Xia, 2024. *Temochloa* (Poaceae, Bambusoideae), a newly - recorded bamboo genus for China and Vietnam, with new taxa and a re-interpretation of flowering structures. Phytokeys 246: 229-236. DOI: 10.3897/phytokeys.246.129035.
5. Nong Van Duy, Tran Thai Vinh, Vu Kim Cong, Dang Thi Tham, Hoang Thanh Truong, Tran Van Tien, 2023. An updated enumeration of Bambusoideae in Central Highlands, Vietnam. Academia Journal of Biology 2023, 45(4): 111-126. DOI: 10.15625/2615-9023/18913.
6. Nong Van Duy, Tran Thai Vinh, Vu Kim Cong, Quach Van Hoi, Dang Thi Tham, Nguyen Thi Thanh Hang, Dinh Van Khiem, Hoang Thanh Truong, Nguyen Hoang Nghia, Nguyen Thi Ai Minh, Tran Van Tien, 2024. *Yersinochloa nianheana* (Poaceae, Bambusoideae), a new species from Southern Vietnam. PhytoKeys 247: 67-73. DOI: 10.3897/phytokeys.247.132975.
7. Phạm Hoàng Hộ, 2000. Cây cỏ Việt Nam, quyển III. Nhà xuất bản Trẻ.
8. Hoang Nghia Nguyen and Van Tien Tran, 2012. *Nianhochloa* gen. nov. (Poaceae, Bambusoideae), a new bamboo genus endemic to Bidoup Mountain, Southern Vietnam. Adansonia, 2012, 34(2): 257 - 264.
9. Hoang Nghia Nguyen, Van Tien Tran và Thanh Truong Hoang, 2013. *Cochinchinochloa* (Gramineae: Bambusoideae - Bambusinae), a new bamboo genus endemic to Braian mountain, Southern Vietnam. Blumea 58, 2013: 28 - 32.

10. Hoang Nghia Nguyen, Van Tien Tran, 2013. *Maclurochloa tonkinensis* sp.nov. (Poaceae: Bambusoideae) from Vietnam. Nordic Journal of Botany 31: 157-160, 2013.
11. Hoang Nghia Nguyen, Van Tien Tran, 2014. *Maclurochloa locbacensis* (Poaceae) a new species of climbing bamboo from Vietnam. Ann Bot Fennici 51: 326-328, 2014.
12. Hoang Nghia Nguyen, Van Tien Tran, 2015. *Yersinochloa* (Gramineae: Bambusoideae-Bambusineae), a new bamboo genus endemic to Lam Vien Plateau, Southern Vietnam. Nordic Journal of Botany 34: 400 - 404, 2016.
13. Hoang Nghia Nguyen, Van Tho Nguyen, Anh Dung Nguyen, Nguyen Vien, Pham Quang Tien & Van Tien Tran, 2017. *Dendrocalamus dienbienensis* (Poaceae: Bambusoideae), a new species from Northern Vietnam. Phytotaxa 327 (3): 290 - 296. DOI: 10.11646/phytotaxa.327.3.9.
14. Hoang Nghia Nguyen, Van Tho Nguyen, Viet Lam Le, Van Tien Tran, Nguyen Vien, 2017. *Dendrocalamus phuthoensis* (Poaceae: Bambusoideae), a new species from Phu Tho province, Vietnam. Phytotaxa 257 (2): 181 - 186.
15. Nguyễn Hoàng Nghĩa, 2005. Tre trúc Việt Nam. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội, 406 trang.
16. Nguyễn Hoàng Nghĩa, 2019. Nghiên cứu đa dạng và bảo tồn chi Luồng (*Dendrocalamus* Nees) ở Việt Nam (Nafosted 106-NN.03-2015.50). Báo cáo tổng kết đề tài, Viện Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng.
17. Nguyen Hoang Nghia, Tran Van Tien, 2010. Six new species of *Melocalamus* (Gramineae: Bambusoideae) from Vietnam. Blumea 55, 2010: 129 - 138.
18. Nguyen Hoang Nghia, Nian-He Xia and Tran Van Tien, 2012. *Gigantochloa multifloscula* sp.nov. (Poaceae: Bambusoideae) a new species from Vietnam. ADANSONIA, ser.3, 2012, 34(1) 53 - 58.
19. Nguyen Hoang Nghia, Tran Van Tien, Nguyen Van Tho, 2012. *Ferrocalamus fibrillosus* (Poaceae: Bambusoideae) a new species from Vietnam. Ann. Bot. Fennici 49: 206 - 208.
20. Qiao-Mei Qin, Yi-Hua Tong, Xi-Rong Zheng, Jing-Bo Ni, Tien-Chinh Vu and Nian-He Xia, 2019. *Melocalamus grandiauritus* (Poaceae: Bambusoideae), a new clambering species from northern Vietnam. Nordic Journal of Botany 2019: e02098. DOI: 10.1111/njb.02098.
21. Van Tho Nguyen, Nianhe Xia, Hoang Nghia Nguyen, Viet Lam Le, 2013. Three large-stature bamboo species of *Dendrocalamus* (Poaceae: Bambusoideae) from North Vietnam. Blumea 57, 2013: 253 - 262.
22. Tran Van Tien, 2011. Taxonomic Revision of the Genus *Schizostachyum* Nees (Poaceae: Bambusoideae) from Vietnam. PhD. Thesis: Graduate School of the Chinese Academy of Sciences.
23. Tran Van Tien, 2021. *Bambusa nghiana* sp.nov. (Poaceae: Bambusoideae), a new species from Thanh Hoa province, Vietnam. Adansonia, sér. 3, 43 (19): 217 - 221. DOI: 10.5252/adansonia2021v43a19.
24. Tran Van Tien, 2023. The Morphology, Anatomy and Taxonomy of Vietnam Bamboos. The Genus *Schizostachyum* Nees. VNU-HCM Press, 95 pages.
25. Tran Van Tien, Nian-He Xia and Nguyen Hoang Nghia, 2010. *Schizostachyum yalyense* sp.nov. and *S. ninhthuanense* sp.nov. (Gramineae: Bambusoideae) from Vietnam. Nordic Journal of Botany 28: 487 - 492.
26. Van Tien Tran, 2022. *Schizostachyum locbacense* (Poaceae: Bambusoideae), a new species from southern Vietnam. Academia Journal of Biology, 44(4): 27 - 32. DOI: 10.15625/2615-9023/17487.
27. Van Tien Tran, Hoang Nghia Nguyen and Nianhe Xia, 2013. *Annamocalamus* HN Nguyen, NH Xia & VT Tran, a new genus of bamboo (Poaceae: Bambusoideae) from Vietnam. Candollea 68(1): 159 - 165.
28. Van Tien Tran, Nianhe Xia, Van Tho Nguyen, 2013. *Schizostachyum nghianum* (Poaceae: Bambusoideae), a new species from Vietnam. Blumea 57: 300 - 302. DOI: 10.3767/000651913X665558.
29. Van Tien Tran, Nianhe Xia, Hoang Nghia Nguyen, My Hanh Diep, 2014. *Cephalostachyum chevalieri* a new synonym of *Kinabaluchloa wrayi* (Poaceae: Bambusoideae), and a new bamboo record for Vietnam. Nordic Journal of Botany 32: 468 - 470.

30. Van Tien Tran, Hoang Nghia Nguyen, 2019. *Maclurochloa trangdinhensis* (Poaceae: Bambusoideae), a new species from Northern Vietnam. Nordic Journal of Botany: 37, No5, 2019. DOI: 10.1111/njb.02318.
31. Yi-Hua Tong, Xi-Rong Zheng, You Yuan Zhang, Qiao-Mei Qin, Jing-Bo Ni, Tien Chinh Vu, Nian-He Xia, 2020. *Khoonmengia honbaensis*, a new genus and species of temperate bamboo (Poaceae, Bambusoideae) from Central - Southern Vietnam. PhytoKeys 138: 163 - 177. DOI: 10.3897/phytokeys.138.39512.
32. Tran Thai Vinh, Hoang Nghia Nguyen, Nong Van Duy, Wong Khoon Meng and Van Tien Tran, 2021. *Chimonocalamus bidoupensis*, a new temperate bamboo species (Poaceae: Bambusoideae) from Bidoup National Park, Southern Vietnam. Nordic Journal of Botany: 39 (issue 1), 1 - 5. DOI: 10.1111/njb.02853.
33. Tran Thai Vinh, Nong Van Duy, Hoang Thanh Truong, Tran Van Tien, 2023. *Yersinochloa nghiana*, a new species (Poaceae, Bambusoideae, Bambuseae) from Southern Vietnam. PhytoKeys 224: 175 - 182. DOI: 10.3897/phytokeys.224.101201.
34. Hoàng Thanh Trường, Nguyễn Hoàng Nghĩa, Trần Văn Tiến, 2013. Vị trí phân loại các chi *Gigantochloa*, *Oxytenanthera* và *Pseudoxytenanthera* ở Việt Nam. Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, 3/2013, 2892 - 2899.
35. Vorontsova MS, L.G. Clark, J. Dransfield, R. Govaerts and W.J. Baker, 2017. World checklist of Bamboos and Rattans. Science Press, Beijing, 541 pp.
36. Khoon Meng Wong & My Hanh Diep, 2015. *Bambusa gurgandii* K.M.Wong & M.H.Diep (Poaceae, Bambusoideae), a new species of bamboo from Vietnam. *Candollea* 70(2): 211-218. DOI: 10.15553/c2015v702a6.
37. You-yuan Zhang, Yi-hua Tong, Jing-bo Ni, Tien-chinh Vu & Nian-he Xia, 2020. *Fargesia sapaensis* (Poaceae, Bambusoideae), a new bamboo species from Lao Cai, Vietnam. *Phytotaxa* 472 (1): 069 - 073. DOI: 10.11646/phytotaxa.472.1.9.

Email tác giả liên hệ: nhnghia53@gmail.com

Ngày nhận bài: 10/10/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 15/10/2025; 05/11/2025

Ngày duyệt đăng: 02/02/2026